

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Kim Phụng.
- Ông Lê Văn Lil.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa:

Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2022/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1946;

Bị đơn: Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1948;

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

(Ông G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Đ vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng Nguyễn Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1963 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện ông bà đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân ông bà

cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay ông xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 05 người con chung tên Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1963, ông Nguyễn Văn Tranh, sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị Thuận, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Út Bảy, sinh năm 1978. Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với bà Hồ Thị Đ. Cho ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Hồ Thị Đ.

Về con chung; tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị Đ, có địa chỉ cư trú tại ấp Thạnh 2, xã Long Điền, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Ông Nguyễn Văn G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Hồ Thị Đ vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1963 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông bà chung sống với nhau từ năm 1963, nên căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập bà Hồ Thị Đ nhiều lần nhưng bà Đ vắng mặt không lý do. Do đó, bà tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của bà, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của ông G. Theo ông G xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn và hiện đã sống ly thân. Xét thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G là phù hợp.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với bà Hồ Thị Đ. Cho ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Hồ Thị Đ.

2. Về con chung; tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý

